

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ BIG C  
ĐỢT 3 TỪ 23/11/2019 -19/01/2020**

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	NGUYEN QUANG HUY	4271xxxx4106	112,120
2	CAO THI HONG THUY	4111xxxx3103	87,598
3	TRAN THU HA	4111xxxx7109	74,893
4	LE MAI THIEU HOA	4111xxxx1112	199,952
5	NGUYEN QUOC HUNG	4271xxxx9114	500,000
6	BUI PHUONG MAI	4286xxxx8114	66,928
7	HOANG VIET HUNG	4111xxxx0101	100,000
8	VO THI SANH	4111xxxx1114	87,221
9	TRAN THI QUY PHUC	4111xxxx3100	52,138
10	TRAN THI NOI	4111xxxx6107	200,000
11	TRAN THI THU HA	4111xxxx6104	100,000
12	PHAM THI PHUONG THUY	4271xxxx2106	124,590
13	TRAN THI THU THUY	4111xxxx7109	89,453
14	NGUYEN XUAN THAN	4111xxxx9109	100,000
15	BUI THI XUAN	4111xxxx5106	56,021
16	DO QUOC HUNG	4111xxxx2148	100,000
17	HOANG THI HUONG GIANG	4286xxxx5103	68,559
18	HUYNH AI VAN	4111xxxx4114	67,025
19	NGUYEN THI TAP	4286xxxx9206	61,653
20	VU NGOC QUYEN	4286xxxx8106	80,368
21	PHAM ANH KHOA	4111xxxx7117	51,280
22	DO THI KIM THANH	4271xxxx2109	200,000
23	HOANG THI PHUONG	4111xxxx9109	62,651
24	NGUYEN NGOC SON	5305xxxx5108	438,509
25	HOANG THI MINH HUONG	4111xxxx6137	167,790
26	PHAN TUAN ANH	4271xxxx4115	120,625
27	LUU THI BAO CHAU	4286xxxx7105	143,175
28	NGUYEN QUYNH GIAO	4111xxxx0128	200,415
29	NGUYEN T DIEU TRINH	4286xxxx4109	97,784
30	TRAN NGOC LONG	4111xxxx2114	198,054
31	NGO QUANG SAM	4271xxxx1103	144,145
32	NGO QUANG DUNG	4111xxxx3105	79,359
33	TRINH THIEN HUONG	4111xxxx7106	76,438
34	TU THUY PHUONG	4286xxxx2108	141,850
35	PHAM THI NHIEN	4111xxxx9202	63,140
36	LUONG NHAT Y MY	4111xxxx3118	74,224
37	DAO THI MINH TAM	4111xxxx0102	155,247
38	PHAN THI THANH LOAN	4286xxxx4102	100,000
39	BUI THI TUAN HUE	4111xxxx8136	153,194
40	HO MINH TAM	4111xxxx5105	67,767
41	NGUYEN T BACH TUYET	4286xxxx9101	318,485
42	NGUYEN THI VIET HA	4111xxxx4115	64,088
43	TRAN VAN ANH	4286xxxx1106	58,546

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
44	VO THI KIM HOA	4286xxxx2104	68,462
45	PHAN THI THU THUY	4111xxxx7106	61,547
46	NGUYEN THI VIET HA	4111xxxx4117	63,818
47	TRAN THI MY YEN	4271xxxx5118	144,107
48	PHAN THI THUY LINH	4271xxxx5102	236,764
49	NGUYEN THI BICH NGA	4111xxxx2100	61,750
50	NGUYEN THI MAI TRANG	4111xxxx4117	107,753
51	HUYNH THI MY HANH	4111xxxx3100	100,000
52	PHAM MINH HONG	4286xxxx1109	60,085
53	NGUYEN THI NINH HAI	4111xxxx3113	52,225
54	HA THI LE THUY	4111xxxx4123	100,000
55	NGUYEN HAI DANG	4271xxxx8107	200,000
56	CAO VIET HONG	4111xxxx2101	166,390
57	PHI THI THUC	4111xxxx9107	75,965
58	PHUNG THI THU VAN	4111xxxx0105	130,222
59	NGUYEN MAU TUAN	4271xxxx1104	199,800
60	NGUYEN BA DINH	4111xxxx2104	100,000
61	NGUYEN THI HA	4111xxxx1105	188,976
62	LE THI HUYEN THANH	5305xxxx7101	138,197
63	LE THI THU HUONG	4111xxxx3105	79,040
64	NGUYEN VAN HIEU	4286xxxx6109	78,033
65	TRAN THI HUONG GIANG	4111xxxx6109	100,000
66	HA THI TU OANH	4286xxxx1101	56,345
67	NGUYEN THI THU HA	4111xxxx8109	78,918
68	TA THU HIEN	4286xxxx7110	68,655
69	PHAM THI XUAN THU	4271xxxx7101	109,900
70	PHAM NGOC TIEN	4111xxxx1109	72,458
71	PHO THU HANG	4111xxxx3100	194,610
72	HOANG MANH NGOC	4286xxxx8109	68,370
73	BUI PHAM KONG	4286xxxx8109	66,394
74	PHAM THI MINH PHUONG	4271xxxx6101	129,380
75	NGUYEN TRUNG KIEN	4111xxxx2102	85,904
76	LE HUY SON	4111xxxx5101	176,238
77	BUI THI HANH CHI	4111xxxx3104	64,122
78	TRAN THI TUYET MAI	4286xxxx6103	59,998
79	NGUYEN THANH GIANG	4271xxxx7102	200,000
80	BUI HUU DONG PHIEN	4111xxxx2105	51,095
81	NGUYEN DUC VUONG	4286xxxx3100	91,690
82	PHAN THI TRANG	4286xxxx4132	71,444
83	LE THANH PHU	4111xxxx8104	57,100
84	NGUYEN THI THUY	4111xxxx8115	71,310
85	NGUYEN MAI HUONG	4111xxxx0125	100,000
86	TRAN THI NGA	4111xxxx4107	71,992
87	HOANG VAN TAN	4271xxxx0103	128,383
88	PHAM TRUNG TRUC	4286xxxx2105	81,031

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
89	NGUYEN THI HUONG BUOI	4286xxxx5107	152,742
90	NGUYEN THI THU HUONG	4111xxxx9100	100,000
91	LE THI BINH	4286xxxx6121	62,043
92	LE THANH TUNG	4286xxxx4103	100,000
93	TRINH HOAI AN	4111xxxx3101	98,623
94	NGUYEN THI LOAN	4111xxxx4104	60,120
95	LA THI THU HA	4111xxxx5106	54,365
96	LUU DUY HUNG	4111xxxx6110	100,000
97	NGUYEN KHAC HIEU	4111xxxx2105	100,000
98	CAO THI DIEU HUONG	4286xxxx4100	83,711
99	NGO QUANG TUE	4111xxxx1103	58,100
100	HOANG XUAN HUONG	4271xxxx7117	200,000
101	PHAM TAM HANG	4111xxxx9117	63,819
102	NGUYEN HONG THANH	4111xxxx8107	90,228
103	NGUYEN DINH PHUC	4111xxxx5106	333,700
104	TRAN THI NGAN	4286xxxx6102	58,395
105	LE QUYNH GIANG	4111xxxx9100	142,838
106	NGUYEN THI NI	4286xxxx9109	100,000
107	QUACH THI MY VAN	4286xxxx6108	58,999
108	NINH THI VAN KHANH	4286xxxx4105	157,790
109	DO THI THU HA	4286xxxx9102	172,135
110	TRAN CONG MINH	4271xxxx6107	222,065
111	DANG BA PHUONG UYEN	4286xxxx0107	184,696
112	HOANG THAI HOC	4111xxxx6106	72,449
113	NGUYEN THI NGA	4111xxxx0116	100,000
114	NGUYEN THI THU HUONG	4111xxxx2105	200,000
115	KIEU THI MY LINH	4286xxxx6102	69,936
116	TRAN XUAN THANG	4111xxxx8101	63,045
117	NGUYEN HUU NGUYEN	4111xxxx5105	83,860
118	NGUYEN THI NGOC BICH	4111xxxx6136	54,440
119	DOAN KIM THUY	4271xxxx5103	200,000
120	TRAN THI TUYET	5305xxxx2116	132,671
121	MAI THI TRUC GIANG	4111xxxx2127	147,275
122	NGUYEN THI SINH	4286xxxx0108	100,000
123	TA THI KIM OANH	4286xxxx9100	59,950
124	LE DINH KHAI	4111xxxx8100	72,309
125	NGUYEN THI THUY HANG	4111xxxx1105	59,390
126	LE MANH HUNG	4271xxxx0103	200,000
127	NGUYEN VAN TINH	4111xxxx8109	175,339
128	PHAM VAN PHUNG	4111xxxx5102	200,000
129	NGUYEN THANH HOA	4111xxxx4101	61,131
130	VO THI THU THUY	4111xxxx3104	56,744
131	HONG CAM TU	4286xxxx6107	84,694
132	LE THUY HONG VAN	4111xxxx4108	56,057
133	TRAN THI QUYNH AN	4111xxxx6104	100,000

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
134	HUYNH THI THU THUY	4286xxxx9100	194,091
135	TRINH PHUOC HAI	4286xxxx7103	80,572
136	TO VAN HOA	4271xxxx2106	172,216
137	HOANG THI HONG HAI	4286xxxx0115	75,647
138	NGUYEN TRUNG DUNG	4286xxxx4108	53,711
139	DAO ANH TUAN	4271xxxx2102	500,000
140	NGO THI LE HUONG	4111xxxx4116	70,970
141	NGUYEN THU HIEN	4286xxxx5108	133,960
142	LE MINH HANG	4111xxxx2103	71,807
143	HOANG LAN HUONG	4111xxxx1117	100,000
144	TO QUYNH CHAU	4286xxxx3116	74,375
145	TRAN THI HOANG ANH	4271xxxx8104	281,462
146	TRUONG THI TUYET HANG	4286xxxx0102	100,000
147	NGO THI THU PHUONG	4271xxxx3100	200,000
148	PHAN KIM NGOC	4111xxxx7103	53,647
149	NGUYEN THI TO UYEN	4271xxxx7308	150,330
150	VO THI HAI AN	4111xxxx4105	52,710
151	TRAN MINH HUNG	4286xxxx9100	50,360
152	NGHIEM THI HONG VAN	4286xxxx0108	53,617
153	TRAN THANH TUAN	4286xxxx5102	97,342
154	PHAM THI NGOC DONG	4286xxxx3107	56,932
155	PHAM MINH HANG	4111xxxx0113	54,055
156	KHUC THI HA GIANG	4286xxxx5106	81,105
157	TRINH VAN GIANG	5305xxxx0101	200,000
158	NGUYEN THANH TUAN	4286xxxx6101	60,128
159	NGUYEN NGOC HAU	4286xxxx3103	57,145
160	NGUYEN THI MAI YEN	4111xxxx2102	73,838
161	NGUYEN THI THANH VAN	4271xxxx7104	439,979
162	DO THI THU HANG	4271xxxx3105	120,857
163	NGUYEN DO THI LOC	4286xxxx7109	136,871
164	DOAN NGOC DIEP	5305xxxx4100	147,064
165	VU MINH TUAN	4111xxxx1109	63,740
166	DANG THI LY	4286xxxx3106	94,761
167	PHAM THI KIM YEN	4286xxxx2100	173,393
168	DO THI HAI YEN	4271xxxx9109	108,540
169	NGUYEN THI HUYEN	4111xxxx9103	100,000
170	LU TRAN PHUONG NAM	4111xxxx6101	100,000
171	LE THI HOANG YEN	4286xxxx9103	133,846
172	DO QUYNH BANG TU	4111xxxx7102	58,290
173	VU THI NHI LUONG	5305xxxx1100	400,000
174	PHAM DUY HUNG	4286xxxx5106	82,955
175	VO TRUONG GIANG	4111xxxx7100	136,399
176	NGUYEN ANH TUYET	4286xxxx3111	100,000
177	LE THI VINH LINH	4286xxxx3120	151,555
178	HOANG THI NGOC OANH	4111xxxx7100	98,389

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
179	LE THI MINH HIEN	4286xxxx7117	100,000
180	LE THI HUYEN	4286xxxx9115	90,570
181	PHUONG THI HIEU HANH	4111xxxx4100	100,000
182	LUU THI TUYET	4286xxxx9101	100,000
183	HOANG THI THU HUONG	4286xxxx7102	50,760
184	VU DINH THANG	4111xxxx1101	100,000
185	NGUYEN GIANG NGUYEN	4111xxxx8104	100,000
186	DINH TUAN CUONG	4286xxxx5105	100,000
187	HOANG THI ANH NGUYET	4111xxxx6102	89,137
188	HO THI THANH HOA	4111xxxx8105	220,866
189	DAO CHI CUONG	4271xxxx2117	150,270
190	TRUONG VY TRAM	4286xxxx1101	50,485
191	NGUYEN THE PHONG	4111xxxx7102	63,820
192	DO XUAN BINH	4286xxxx3100	65,069
193	NGUYEN THI MY NHUNG	4286xxxx2108	135,387
194	LE VAN DUNG	4111xxxx8105	100,000
195	NGUYEN THANH MY	4111xxxx8102	50,350
196	NGUYEN TAT TOAN	4286xxxx4108	59,035
197	TRAN VIET PHUONG	4111xxxx6202	282,845
198	PHAM NGOC HOA	4286xxxx6100	69,775
199	MAC THI BICH CHAM	4286xxxx1138	66,278
200	NGUYEN TH TUYET NHUNG	4271xxxx1100	200,000
201	HUYNH THI KIM TUYEN	4286xxxx8103	178,281
202	NGUYEN HOANG MINH THU	4286xxxx1100	100,000
203	NGUYEN TUYET DUNG	4286xxxx9108	51,030
204	NGUYEN THI NGUYET	4271xxxx9100	329,554
205	LU MINH	4111xxxx0119	65,004
206	NGUYEN THI THANH TAM	4111xxxx8106	148,158
207	LE THI HANH	4111xxxx2108	78,424
208	VU MANH TUNG	4286xxxx9107	57,665
209	NGUYEN THI PHUONG THU	4286xxxx6101	100,000
210	NGUYEN THI MAI ANH	4111xxxx5103	100,000
211	NGUYEN THI NGOC ANH	4271xxxx4109	357,473
212	NGUYEN THI MINH THU	4111xxxx0109	59,030
213	NGUYEN BICH PHUONG	4111xxxx4107	50,305
214	NGHIEM THI CHUNG	4286xxxx0106	96,282
215	PHAM DUC LAM	4271xxxx4106	191,557
216	NGUYEN THI THANH NGA	4286xxxx0118	100,000
217	NGUYEN THI THUY NGA	4111xxxx1105	54,608
218	NGUYEN VAN THU	4286xxxx2105	154,405
219	PHAM THI NGOC HA	4111xxxx2125	52,529
220	DO THANH THONG	4111xxxx6105	67,917
221	NGO HANH	4286xxxx5103	140,345
222	LE NGUYEN NU HOAI LE	4111xxxx8308	100,000
223	VO THI KIM DUNG	4111xxxx0101	159,739

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
224	PHAM THI HONG	4111xxxx3107	50,585
225	NGUYEN DUC THUAN	4111xxxx1112	57,860
226	VU THU HOAI	4286xxxx5106	142,721
227	NGUYEN THI HONG VAN	4286xxxx2109	69,808
228	LE VAN ANH	4286xxxx2117	70,415
229	DO XUAN TRUONG	4111xxxx6102	500,000
230	TRAN THI HAI YEN	4286xxxx1119	56,990
231	LE VAN YEN	4111xxxx9103	291,508
232	TRAN QUOC BINH	4271xxxx7101	294,808
233	DANG THI HONG HANH	4286xxxx3104	122,814
234	BUI THI VAN NAM	4111xxxx1102	100,000
235	HO HOANG HOA	4286xxxx3101	74,250
236	NGUYEN THI ANH NGAN	4286xxxx8104	96,646
237	PHAM MAI PHUONG	4111xxxx8112	99,552
238	HOANG DANG NAM	4286xxxx9113	100,000
239	VU THU HIEN	4286xxxx1108	83,113
240	PHAM THI THANH HA	4111xxxx8100	100,000
241	LE THANH HUNG	4111xxxx4100	61,190
242	TRAN THI THANH DIEP	4111xxxx7103	100,000
243	TRAN DUY HUNG	4286xxxx2124	98,984
244	BUI THI THU HOAI	4111xxxx1111	60,221
245	NGUYEN THE PHUOC	4286xxxx0103	97,525
246	NGUYEN DINH HIEN	4111xxxx9109	76,800
247	BUI TRONG TRUONG	4111xxxx4128	63,645
248	HUYNH THANH TRUC	4286xxxx8107	75,630
249	BUI THI LAN	4111xxxx9111	66,413
250	DO VU HOANG	4286xxxx2103	98,620
251	HOANG LE KHOA	4111xxxx5104	71,135
252	TRAN MAI PHUONG	4111xxxx9107	252,948
253	HA QUANG DONG	4286xxxx6103	52,024
254	LE TAM	4271xxxx3100	160,656
255	CHU THI THANH NGA	4286xxxx5116	76,267
256	PHUNG THI TUONG	4111xxxx8107	100,000
257	PHAM THI THANH HUYEN	4111xxxx9104	119,884
258	HO THI NGAN DIEP	4286xxxx6105	100,000
259	PHAN QUANG HUY	4286xxxx0113	50,149
260	HOANG THI NGO	4286xxxx7101	53,473
261	TRAN CONG MANH	4286xxxx8102	56,472
262	NGUYEN T KIEU NGUYET	4111xxxx6101	53,565
263	LUONG THI VINH	4286xxxx0108	54,048
264	TRAN THI AI THI	4286xxxx4109	164,187
265	HO THI THUY NGA	4111xxxx7106	59,357
266	DO THI THANH HUONG	4286xxxx5109	100,912
267	NGUYEN HUU KHANH	4111xxxx0101	76,963
268	PHAM THI KIM PHUNG	4286xxxx8101	67,062

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
269	VU THI QUYNH HOA	4271xxxx9106	242,143
270	VU THI MINH NGHIA	4286xxxx9109	145,314
271	BUI XUAN VUNG	4286xxxx7106	55,417
272	PHAN THI HONG VAN	4286xxxx2108	98,010
273	VU DUC TUNG	4111xxxx1100	54,476
274	HOANG THI NGOC CHAU	4286xxxx3207	84,080
275	NGUYEN KHOI NGUYEN	4286xxxx3116	59,077
276	NGUYEN VAN DAM	4111xxxx8100	67,870
277	TRAN HONG THANH	4286xxxx8101	75,931
278	NGUYEN THI THU TRANG	4111xxxx7103	58,889
279	HO MINH HUONG	4111xxxx5120	58,834
280	NGO LAN ANH	4111xxxx9105	61,605
281	PHAM THI PHUONG ANH	4286xxxx7100	78,700
282	NGUYEN THI BICH HANH	4271xxxx2204	100,127
283	NGUYEN THI THU HIEN	5305xxxx8103	108,447
284	DANG THI DUYEN	4111xxxx7109	70,151
285	NGUYEN THI THANH NGA	4111xxxx2113	78,985
286	NGUYEN QUOC DAT	5305xxxx5101	103,802
287	VUONG THI HONG NHUNG	4286xxxx1101	73,662
288	NGUYEN VAN HIEU	4111xxxx0117	52,552
289	NGUYEN QUANG NHON	4271xxxx0107	161,447
290	CHU VAN TUAN	4286xxxx2102	56,367
291	NGO THI HONG HANH	4271xxxx7109	134,560
292	DANG THI HONG NHUNG	4111xxxx7102	57,752
293	PHAM THI HANH	4111xxxx9119	100,000
294	NGUYEN THANH SAU	4286xxxx5108	52,627
295	TRUONG THI KIM LUONG	4286xxxx3106	74,360
296	NGUYEN T THANH THUY	4286xxxx9102	55,820
297	NGUYEN THI BACH DIEP	4111xxxx2103	80,850
298	NGUYEN THI LAN	4286xxxx1105	86,645
299	PHAM HUY TUAN	4286xxxx3116	151,809
300	NGUYEN THANH SANG	4286xxxx7104	52,085
301	PHAN THI THUY DUONG	4111xxxx6106	65,595
302	TRAN THI PHUONG LIEN	4271xxxx8104	116,510
303	BUI THANH TUYEN	4286xxxx2118	59,841
304	DAO THI HONG THINH	4111xxxx6104	57,447
305	VO CAO TOAN	4286xxxx5101	100,000
306	NGUYENTHI THANH HUONG	4271xxxx0101	120,508
307	TRAN THI AN	4286xxxx4105	87,827
308	NGUYEN THI TRUC MAI	4286xxxx5102	200,000
309	NGUYEN DANG VIET SON	4111xxxx6105	75,035
310	LE THI NGOC ANH	4286xxxx2103	126,116
311	NGUYEN THI THUY MAI	4271xxxx7105	200,000
312	NGUYEN THI THU HIEN	4286xxxx5109	76,863
313	NGUYEN THI HUONG LAN	4111xxxx3107	54,249

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
314	TRAN THU HUONG	4271xxxx5106	189,530
315	TRAN THI TUONG VY	4271xxxx7217	167,199
316	TON NU MAI KIM NGAN	4111xxxx1111	65,225
317	TRAN THI HOANG ANH	4111xxxx9106	500,000
318	VU THI VAN HONG	5305xxxx7107	183,168
319	HOANG KIM DUNG	4286xxxx3107	69,116
320	HO XUAN HAI	4111xxxx3108	100,000
321	NGUYEN THI TUONG VI	4286xxxx0100	100,000
322	NGUYEN HOANG TAM	4111xxxx7109	100,000
323	TRAN THI LOI	4286xxxx0209	69,785
324	NGUYEN THI CHUNG	4111xxxx6108	82,570
325	NGUYEN THI THU HA	4271xxxx3109	391,397
326	BUI THI QUYNH NGA	4271xxxx7105	283,987
327	CHUNG THI PHUOC LOC	4286xxxx5113	50,403
328	LE THANH TAM	4111xxxx7108	77,614
329	DOAN THI THUY TRANG	4286xxxx6116	151,250
330	VO MINH THANG	4111xxxx0108	62,020
331	NGUYEN THI HUE	4111xxxx7106	70,605
332	NGUYEN THI THU HOA	4286xxxx9103	90,610
333	NGUYEN BA SON	4271xxxx0106	355,613
334	LE VIET CHUNG	4111xxxx9108	79,490
335	DO KHAC TOAN	4111xxxx7103	90,199
336	DUONG MINH TU	4286xxxx9108	92,056
337	TRAN THI MINH THUY	4111xxxx5101	65,418
338	TRAN NGOC THU HUONG	4111xxxx1104	51,924
339	KHONG NGOC QUY HUNG	4111xxxx9105	64,959
340	LE HONG TUYEN	4111xxxx3109	54,750
341	VU KHAC DAP	4111xxxx2100	100,000
342	NGUYEN VAN HIEU	4111xxxx1103	79,293
343	NGUYEN THAI SON	4111xxxx8107	96,369
344	NGUYEN THI LE THUY	4286xxxx6103	63,129
345	DO THI HANH	4286xxxx8108	63,702
346	PHAM DUC HUY	4111xxxx6112	62,457
347	DANG TUAN ANH	4111xxxx2103	200,000
348	BUI TIEN NGOC	4111xxxx1129	71,753
349	NGUYEN THI CHINH	4271xxxx1103	168,164
350	NGUYEN THI QUYNH HOA	4271xxxx9101	200,000
351	MAI THI PHUONG	4111xxxx2109	100,000
352	TRAN THI MY LINH	4271xxxx7118	100,147
353	NGUYEN THI THUY LINH	4286xxxx3108	100,000
354	TRINH THUY DUNG	4111xxxx0109	63,104
355	NGUYEN THI HUONG	4271xxxx8107	200,000
356	NGUYEN VAN CUONG	4111xxxx8105	79,269
357	NGUYEN VAN TINH	4111xxxx9113	56,965
358	DANG THI KIM HANH	4111xxxx2105	64,858



STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
359	NGUYEN THI PHUONGTHAO	4111xxxx8108	100,000
360	NGUYEN THI HOA	4111xxxx8108	100,000
361	NGUYEN PHUONG TUNG	4286xxxx7111	58,986
362	TRAN THI THUY	4111xxxx9105	54,068
363	NGUYEN THI MAI HOA	4111xxxx2109	100,000
364	DO VAN DUNG	4111xxxx0107	66,276
365	PHAM NGOC LONG	4286xxxx0103	95,400
366	DOAN THI LY	4111xxxx6109	100,000
367	PHAM THI THUY TRANG	4111xxxx6100	100,000
368	NGUYEN THI HONG	4286xxxx7109	64,264
369	TRAN MAI LINH	4286xxxx9100	64,548
370	LE THI CHI	4111xxxx0103	82,799
371	PHAM XUAN BO	4271xxxx5105	200,000
372	TRINH THI DUNG	4111xxxx2102	60,188
373	VU HONG DUNG	4111xxxx3100	78,470
374	PHAN VAN HIEN	4111xxxx4118	69,703
375	VU THI HOANG MY	4286xxxx7108	90,807
376	NGUYEN THI NGOC XUAN	4286xxxx6106	223,290
377	HOANG MAI XUAN CANH	4271xxxx0105	140,010
378	NGUYEN PHUNG DAI	4286xxxx4104	100,000
379	PHAM DUC HOAN	4111xxxx1112	55,975
380	LE THI HONG THOM	4111xxxx9108	61,630
381	DO THU THUY	4111xxxx4105	50,260
382	TRAN THI BINH MINH	4111xxxx4111	305,793
383	PHAM TRUNG LIET	4111xxxx4107	100,000
384	DANG THI THU LOAN	4286xxxx9107	60,570
385	TRAN THI THUONG HUYEN	4286xxxx2104	66,337
386	PHAM VAN THIN	4111xxxx0121	93,110
387	TRAN THI DUYEN	4111xxxx6106	69,315
388	HUYNH THI PHUONG NGA	4286xxxx4105	100,000
389	TRAN VAN NHAN	4111xxxx1107	68,075
390	PHAN THI SANG	4111xxxx9106	100,000
391	NGUYEN THI NGOC TU	4111xxxx5105	62,865
392	TRUONG QUOC TUAN	4286xxxx2108	100,000
393	NGUYEN THI THANH HOAI	4111xxxx0101	100,000
394	VO THI AN LY	4111xxxx0101	100,000
395	NGUYEN THI MINH MAN	4286xxxx7102	54,161
396	LE QUYNH TRANG	4111xxxx4105	85,953
397	LE THI HUONG TRA	4286xxxx2106	144,056
398	DO DUC HUNG	4111xxxx4105	79,932
399	VU VAN HUNG	4111xxxx2105	91,725
400	NGUYEN THI MAI CHI	4286xxxx2108	100,000
401	THAI TUAN ANH	4286xxxx8105	88,795
402	PHAM NGOC LIEN	4111xxxx7104	85,620
403	PHAM THI THANH NGA	4286xxxx8112	66,175

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
404	NGUYEN PHUONG TRI	4286xxxx0109	73,440
405	LUU THE PHUONG	4111xxxx0109	53,245
406	HOANG THI MY HANH	4286xxxx0109	62,416
407	VO CONG BACH	4286xxxx3109	57,340
408	NGUYEN XUAN TOAN	5305xxxx8105	355,730
409	TRAN VIET HUNG	5305xxxx2107	100,600
410	TRAN ANH TUAN	4111xxxx6102	96,765
411	VU THI HUONG	4111xxxx0102	53,031
412	HO THU TRANG	4271xxxx3108	151,645
413	NGUYEN QUANG HUY	4111xxxx6103	100,000
414	NGUYEN THIKHANHPHUONG	4271xxxx4107	122,506
415	NGUYEN THI THU DUNG	4286xxxx7107	52,546
416	LAM THI BINH	4111xxxx2100	92,987
417	HOANG VAN HOA	4111xxxx0105	323,748
418	TRAN THI DIEP	4111xxxx2105	91,900
419	NGUYEN ANH TAN	4111xxxx7108	100,000
420	NGUYEN MY LINH	4286xxxx0107	63,310
421	NGUYEN THI HANH	4271xxxx0108	106,650
422	LE THI THUY NGOC	4111xxxx8107	200,000
423	NGUYEN THI LE CHI	4111xxxx6103	321,397
424	DANG NGOC BINH	4111xxxx5108	58,625
425	NGUYEN THANH THUC	4286xxxx6111	50,790
426	KIEU THU TRANG	5305xxxx2104	124,280
427	LE VAN THAM	4271xxxx8102	200,000
428	NGUYEN QUANG HUNG	4111xxxx7107	100,000
429	NGUYEN THI BICH NGOC	4111xxxx4103	100,000
430	NGUYEN THANH SON	4111xxxx7105	72,448
431	NGUYEN THI LIEM	4271xxxx2109	200,000
432	NGUYEN THI THANH HOA	4286xxxx3112	52,380
433	NGUYEN VAN TRONG	4111xxxx9102	100,000
434	LE THI ANH	4286xxxx1107	75,105
435	TRINH THE HUNG	4286xxxx9106	100,000
436	NGUYEN TONG GIANG	5305xxxx0113	200,000
437	NGUYEN Q NAM PHUONG	4286xxxx3105	100,000
438	NGUYEN NGOC DUONG	4286xxxx7105	91,210
439	NGUYEN ANH DUC	4286xxxx8104	100,000
440	HO VAN DAI	4111xxxx5109	100,000
441	BUI VAN QUYEN	4286xxxx5103	89,834
442	NGUYEN THI PHUONG LAN	4286xxxx1109	55,103
443	TRAN DUC HANH	4111xxxx4107	79,237
444	VUONG THI THU HUONG	4111xxxx6108	100,000
445	NGO QUANG BINH	4111xxxx0104	96,286
446	NGUYEN THI DIEU TRANG	4286xxxx7100	129,756
447	NGUYEN THI LY	4111xxxx6102	51,978
448	PHAM THANH CONG	4286xxxx5101	53,543

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
449	NGUYEN PHAN T GIANG	4286xxxx4102	73,311
450	TRINH CONG HOANG TUNG	4111xxxx1101	71,762
451	SUNDBERGJOHANKENNETH	4111xxxx1133	100,000
452	VU THI SOAN	4111xxxx2100	89,719
453	QUACH KIM PHUONG	4111xxxx1105	61,349
454	NGUYEN THI MINH HIEN	4286xxxx8108	64,314
455	NGUYEN THI HOA	4286xxxx6129	50,091
456	HA NINH	4286xxxx7101	88,688
457	NGUYEN THI HOAI NAM	4286xxxx4108	62,972
458	HUYNH THANH HOA	4286xxxx9107	64,000
459	DANG HUY LIEM	4286xxxx1102	78,625
460	MAI THU HA	4111xxxx8100	73,997
461	NGUYEN THUY LINH	4111xxxx3117	95,364
462	TRUONG LAM TINH	4286xxxx7102	58,455
463	NGUYEN DOAN TUY SON	4111xxxx0100	223,219
464	VO HUYNH TRANG	4286xxxx5100	100,000
465	DANG THI HOA	4271xxxx7104	157,741
466	BUI THI HUONG	4111xxxx7101	180,206
467	TRAN THI HAI	4286xxxx8102	152,800
468	CHUNG MINH TAM	4111xxxx4111	55,659
469	NGUYEN HUU VIET	4111xxxx3100	56,745
470	NGUYEN TRUONG SON	4111xxxx7107	100,000
471	PHAM THI THU CUC	4271xxxx1102	142,870
472	TRAN QUANG DUY	4111xxxx9104	62,594
473	TRAN THI NGOC HUYEN	4286xxxx1103	60,008
474	NGUYEN MANH TUNG	5305xxxx0106	107,789
475	HOANG THI MINH HIEN	4286xxxx7111	98,882
476	HO QUYNH	4271xxxx8103	160,645
477	PHAM THI HONG MAI	4286xxxx1104	81,960
478	TRAN THI PHUONG	4111xxxx8109	96,656
479	DANG TRUNG KIEN	4111xxxx4102	58,638
480	LE MINH CHAU	4286xxxx6110	78,089
481	NGUYEN MINH LUAN	4111xxxx6104	100,000
482	DINH THI BICH THAO	4111xxxx2103	207,211
483	NGUYEN VAN LONG	4286xxxx9101	158,707
484	NGUYEN TIEN THANH	4286xxxx5109	53,485
485	HO THI THUC NHI	4286xxxx5107	256,620
486	NGUYEN VAN DUY	4286xxxx6109	100,000
487	HOANG THI THU HUYEN	4111xxxx1104	80,828
488	PHAN THI TUYET NGA	4286xxxx4103	64,929
489	PHAN LU PHUNG TIEN	4286xxxx6108	97,793
490	NGO THI THU	4286xxxx7111	56,179
491	DINH THI THANH THUY	4286xxxx1107	90,383
492	LE THIEN LY	4286xxxx2105	100,000
493	LE BA HUNG	4111xxxx5100	56,922

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
494	THAN THI TRANG	4111xxxx0103	56,935
495	VO VAN TAM	4111xxxx5107	75,200
496	NGUYEN ANH QUY	4111xxxx1104	100,000
497	PHAM THI HOAI THU	4286xxxx1104	57,873
498	PHAN THI THU THAO	4111xxxx6109	88,219
499	LE THI NGA	4111xxxx2101	54,910
500	BUI THI HUYEN NGAN	4111xxxx3206	118,231
501	NGUYEN THANH DUY	4111xxxx4101	56,528
502	MY TRUNG TIN	4111xxxx2204	54,211
503	HUYNH VAN HOA	4111xxxx6109	66,963
504	NGUYEN CAO QUAN	4111xxxx8107	52,177
505	PHAM THUY PHUONG	4111xxxx1108	100,000
506	TA XUAN HUONG	4111xxxx0118	75,255
507	TRAN THI PHUONG LE	4111xxxx4104	59,601
508	HA DIEU MAI	4271xxxx4108	106,360
509	LE THI THANH NGA	5305xxxx2105	200,000
510	LE THI THANH TRUC	4286xxxx6111	100,000
511	NGUYEN NGOC NHAT	4286xxxx4108	100,000
512	HUYNH THI PHUONG HANG	4111xxxx6100	52,985
513	LUONG THI DUNG	4111xxxx0105	100,000
514	PHAM HOANG THUY	4286xxxx7105	133,018
515	MAI XUAN NGUYEN	4111xxxx4118	100,000
516	NGO THI PHUONG DUNG	4286xxxx6109	113,728
517	LE ANH NHAN	4111xxxx5119	58,730
518	NGUYEN THU GIANG	4286xxxx5122	77,419
519	TRAN TUAN ANH	4111xxxx8108	90,735
520	NGO DUY TRUNG	4111xxxx0107	173,666
521	LE THI HUYEN	4286xxxx6104	94,647
522	PHAM KIM ANH	4271xxxx8117	379,466
523	NGUYEN T PHUONG TRANG	5305xxxx7102	241,800
524	NGO NGAN TRUONG	4286xxxx2102	63,404
525	TRUONG MINH THUONG	4286xxxx2112	166,293
526	TRAN THI THUY HANG	4286xxxx0113	54,495
527	NGUYEN THI HOAI	4111xxxx7106	52,391
528	DOAN MY HANH	4111xxxx4112	181,840
529	NGUYEN THU HANG	4286xxxx4108	76,606
530	NGUYEN THANH HANG	4286xxxx2107	100,000
531	LE THI THU HA	5305xxxx3105	495,612
532	VU VIET CUONG	4111xxxx2101	52,301
533	NGUYEN TRAN THU TAI	4111xxxx3104	100,000
534	NGUYEN THI LIEN HOA	5305xxxx8102	400,000
535	TRAN THI QUYNH	4286xxxx1108	58,048
536	VU THI QUYNH HOA	4286xxxx9105	81,450
537	NGUYEN MINH TAN	4286xxxx6108	57,120
538	LE KHANH PHUONG	4286xxxx2100	100,000

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
539	PHAM DIEU CHI	4111xxxx3104	55,949
540	BUI THI HUE	4271xxxx8102	175,880
541	DO THI KIM HUE	4286xxxx5109	99,811
542	TRAN VIET PHAT	4286xxxx2101	52,535
543	PHAN THI HONG	4286xxxx5108	57,890
544	BUI THI HUNG	4286xxxx8104	56,770
545	NGUYEN THI CAM VAN	4286xxxx5100	57,100
546	TRAN VAN THANH PHONG	4111xxxx0102	100,000
547	DINH XUAN THANG	4286xxxx4107	336,559
548	MAI HONG	4111xxxx2102	51,965
549	HOANG TUAN HUNG	4286xxxx5104	87,565
550	LE TRONG HUU	4286xxxx1100	100,000
551	DUONG THI HOANG CAT	4111xxxx3109	68,096
552	PHAM NGOC TUAN	4111xxxx8100	52,588
553	DO MAI LINH	4271xxxx2104	106,541
554	LY VAN DUNG	4111xxxx1105	71,991
555	DOAN THI NGOC	4286xxxx2100	61,398
556	NGUYEN QUOC TRUNG	5305xxxx7204	119,605
557	NGUYEN THANH LONG	4271xxxx5107	137,275
558	HO DUC MINH	4111xxxx7109	145,268
559	NGUYEN CHI CUONG	4286xxxx5102	54,529
560	LE THI MINH HANG	4111xxxx8105	50,946
561	PHAM HAI ANH	4111xxxx6108	51,410
562	DO HOAI THU	4111xxxx8100	57,950
563	NGUYEN THI HA	5305xxxx7104	168,636
564	TRAN THE HUNG	4111xxxx8115	146,410
565	VU HA TUAN	4286xxxx1100	55,049
566	NGUYEN VAN THAO	4111xxxx4106	52,720
567	DANG THE PHONG	4111xxxx5104	150,972
568	HUYNH THI AI VAN	4111xxxx4106	82,571
569	HOANG THI NGA	4286xxxx2109	51,625
570	NGUYEN THI HUONG NGOC	4286xxxx2103	100,000
571	DO THI HA AN	4286xxxx0100	73,453
572	NGUYEN HOAI THU	4286xxxx3107	93,971
573	LE THI LY	4111xxxx5107	149,074
574	VU THANH TRUNG	4286xxxx9106	52,105
575	NGUYEN THI LINH HUONG	4286xxxx6116	69,138
576	TRINH CHAU NGAN	4111xxxx8108	99,483
577	PHAM THI LAN ANH	4286xxxx2103	100,000
578	LE VIET CUONG	4111xxxx0100	74,683
579	PHAN VAN ANH TUAN	4111xxxx7106	79,535
580	GIANG VAN TUAN	4111xxxx4106	500,000
581	NGUYENPHANNGUYENHANH	4111xxxx8119	71,875
582	TRINH VAN DONG	4111xxxx2102	120,420
583	LE THI LY	4286xxxx4108	100,000

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
584	NGUYEN HUNG SON	4111xxxx4104	100,000
585	NGUYEN VAN ANH	4111xxxx3105	52,441
586	TRAN THI MINH QUE	5305xxxx4105	400,000
587	NGUYEN THI HUONG LAN	4111xxxx9103	100,000
588	LUU THANH SANG	4111xxxx7106	50,231
589	CHU THI HANG	4286xxxx9110	50,000
590	NGUYEN VAN THUC	4111xxxx0108	81,292
591	QUACH TIEN QUAN	4111xxxx5114	125,365
592	TRAN MINH TUAN	4111xxxx0100	52,894
593	LE DAC THUY LINH	4111xxxx8101	100,000
594	HOANG THI MINH THAO	4111xxxx8103	77,450
595	VU NGOC KHIEM	4111xxxx1106	73,515
596	LE THI LAN PHUONG	4286xxxx6109	100,000
597	NGUYEN THI KIM HANG	4111xxxx8107	67,471
598	NGUYEN THI OANH	4111xxxx7107	71,601
599	DINH TIEN DUNG	4111xxxx5112	181,253
600	YANG BUM GYUN	4271xxxx3127	130,632
601	NGUYEN XUAN THUY	4111xxxx2118	84,817
602	HUYNH NHUT VAN TRANG	4286xxxx6108	60,922
603	TRUONG KHANH TRI	4111xxxx2102	361,672
604	LE THI BICH THUY	4271xxxx9208	182,552
605	LE PHUONG DUNG	4111xxxx8118	70,056
606	NGUYEN THI THAO HIEN	5151xxxx1116	84,943
607	NGUYEN VAN TUAN	4111xxxx9100	79,640
608	NGUYEN THI XUA	4111xxxx1119	100,000
609	BUI THI THANH THUY	4286xxxx5105	153,935
610	LE THI KIM KHANH	4286xxxx5108	98,980
611	PHAM THI HONG CHIEN	4271xxxx7101	500,000
612	NGUYEN THI QUY DONG	4271xxxx2109	131,676
613	TRAN CONG CHINH	4271xxxx8107	103,423
614	NGUYEN VAN HUONG	4286xxxx0100	100,000
615	NGUYEN THI THANH HA	4111xxxx0115	62,050
616	TRUONG THANH HAI	4111xxxx4109	62,003
617	HO THI DOAN TRANG	4111xxxx4106	100,000
618	NGUYEN VAN HOAN	4271xxxx2103	197,314
619	NGUYEN LE HOANG	4111xxxx0107	52,435
620	NGUYEN HOAI PHUONG	4286xxxx4106	61,080
621	LE THI BICH THUY	4286xxxx2104	265,791
622	LE MAI PHUONG	4286xxxx4107	100,000
623	BUI THI BUU HUE	4286xxxx1100	62,318
624	TO VAN DANH	4111xxxx6119	67,690
625	DANG THANH NAM	4111xxxx0101	51,145
626	NGUYEN BAO NGOC	4271xxxx1208	200,000
627	NGUYEN THI LE HANH	4271xxxx7108	192,821
628	LE THI MINH PHUONG	4286xxxx1103	95,740

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
629	TRINH QUOC KHANH	4286xxxx3100	66,130
630	NGUYEN ANH TUAN	4271xxxx0101	149,455
631	TRAN THI TUYET NHUNG	4111xxxx0105	192,741
632	DOAN QUANG TRUNG	4286xxxx3102	50,295
633	LE THANH TUNG	4111xxxx6107	57,780
634	NGUYEN HUU MINH	4286xxxx5100	86,525
635	NGUYEN THANH CHUONG	4111xxxx4104	50,592
636	NGUYEN THANH NGUYEN	4111xxxx0109	59,320
637	TRAN QUOC TRUC	4111xxxx1103	52,265
638	BUI NHU DANG	4111xxxx7100	75,275
639	NGUYEN HONG KHANG	4111xxxx9109	59,152
640	DOAN TRIEU THANH	4286xxxx0103	62,277
641	PHAM THI KHANH	4111xxxx7105	74,504
642	DUONG THI THANH MAI	4271xxxx3103	131,048
643	DINH PHUONG DUC	4111xxxx7102	100,000
644	DANG HANG NGA	4286xxxx3106	55,907
645	TRAN MINH NGOC	4111xxxx9103	84,294
646	NGUYEN TRI THANH	4111xxxx1102	84,220
647	VU THI SAO THUONG	4286xxxx8107	50,565
648	NGUYEN DAN	4111xxxx9103	89,189
649	NGUYEN HOANG THAI	4111xxxx7109	68,000
650	BUI THI HOA	4111xxxx3106	59,600
651	HUYNH TUAN KHAI	4286xxxx2109	121,026
652	TRAN VIET KIEU	4286xxxx0105	62,275
653	NGUYEN THI HA	4111xxxx2107	83,725
654	NGUYEN KIEN TRUNG	4111xxxx7101	94,735
655	NGUYEN XUAN LAP	4111xxxx1106	100,000
656	HA THI BICH HANG	4111xxxx3104	500,000
657	VU THI THU THUY	4111xxxx1108	64,249
658	NGUYEN THANH HAI	4111xxxx6101	90,015
659	DO LAM NHA HAN	4111xxxx6106	119,915
660	DANG THI CHI	4286xxxx6107	51,284
661	NGUYEN THI HUYEN ANH	4111xxxx5108	100,000
662	CHEN WAN YU	4111xxxx2107	70,939
663	TRAN XUAN THANG	4286xxxx8119	88,304
664	NGUYEN THI VAN	4286xxxx4105	163,686
665	NGUYEN T THANH HUONG	4111xxxx6106	100,000
666	PHAN MINH PHUONG	4111xxxx1108	54,031
667	NGUYEN THI VAN ANH	4286xxxx9101	79,486
668	HA PHUONG ANH	4111xxxx0102	67,836
669	POBLETE PHAM ARTUROJR	4111xxxx0100	64,179
670	NGUYEN VIET PHI LONG	4286xxxx8105	63,007
671	DO HONG TUOI	4111xxxx0108	100,000
672	DANG VAN THANG	4286xxxx1109	66,548
673	HOANG THI MINH HAO	4111xxxx9101	53,400

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
674	TRAN VAN HOAN	5305xxxx7105	200,000
675	DOAN THI QUYNH LAN	4111xxxx6108	51,060
676	NGUYEN THI HUONG	5305xxxx6102	200,000
677	HOANG HAI QUYNH	4271xxxx6109	118,880
678	NGUYEN QUOC VIET	4111xxxx0106	86,856
679	PHAM TRUNG KIEN	4111xxxx7110	100,000
680	LE THI TUYET NHUNG	4111xxxx4103	68,601
681	NGUYEN HA LINH	4111xxxx3102	100,000
682	TRAN HOANG GIANG	4271xxxx3106	113,839
683	PHAN DANG NHA	4111xxxx2109	92,293
684	NGUYEN THUY TRUC VY	4286xxxx8102	171,415
685	NGUYEN THI THUONG	4111xxxx8101	100,000
686	NGUYEN THANH DO	4286xxxx4108	474,595
687	NGUYEN THUY PHUONG	4111xxxx0101	74,534
688	TRINH THI HAI	4286xxxx1108	62,115
689	NGUYEN TRAN THI PHUC	4111xxxx9105	68,229
690	PHAM VAN THANG	4286xxxx2106	76,424
691	LUONG THI THU HIEN	4286xxxx6104	77,035
692	HUYNH THI MAI ANH	4111xxxx8101	156,981
693	DAO THI MAI PHUONG	4271xxxx0106	116,913
694	NGUYEN THI NGOC DIEN	4286xxxx0104	145,388
695	NGUYEN THI THU HANG	4111xxxx3118	87,713
696	TRAN NGOC ANH	4286xxxx1109	53,113
697	PHAM VAN KHUONG	4111xxxx2105	59,419
698	LE THI BICH DUYEN	4271xxxx9104	123,158
699	VO QUANG HOA	4111xxxx7104	416,615
700	PHAM VAN KY	4111xxxx4103	56,739
701	LE HUONG TRAM	4286xxxx1101	63,969
702	TRAN HO THUC NHI	4286xxxx1105	53,809
703	PHAN THI THAO NGAN	4271xxxx3100	319,710
704	NGO THI VAN ANH	4111xxxx2102	100,000
705	LAM DANG HANH	4286xxxx6105	51,020
706	LE THI NGOC HAN	4111xxxx2103	100,000
707	LU PHAN VAN TUYEN	4111xxxx6109	100,000
708	LE THANH SON	4111xxxx2107	100,000
709	BUI ANH QUAN	4286xxxx4109	50,695
710	PHAM THI HA PHUONG	4111xxxx4102	60,338
711	DAO KHAC HUNG	4286xxxx6105	174,626
712	NGUYEN VIET CUONG	4111xxxx9109	59,228
713	THIEU HONG QUANG	4111xxxx4105	89,345
714	LIM SUNG CHAN	4111xxxx8105	52,607
715	CHU THI BICH LIEN	4111xxxx7107	96,014
716	LE THI PHUC LINH	4111xxxx6102	66,820
717	DINH PHUONG HIEU	4111xxxx3102	70,690
718	NGUYEN THI HOA	4271xxxx9107	169,080



<b>STT</b>	<b>Tên chủ thẻ</b>	<b>Số thẻ</b>	<b>Số tiền thưởng</b>
719	NGUYEN VIET NAM	4111xxxx5107	95,025
720	NGUYEN THI HONG LIEN	4286xxxx7105	53,728
721	NGUYEN THI THUY DIEP	4111xxxx8109	90,840
722	TRAN TRUNG THONG	4111xxxx0109	60,481
723	LE MINH THUAN	4271xxxx3102	440,433
724	DUONG THI NGAN	4111xxxx9100	73,807
725	TO THI VIET NHAN	4111xxxx8102	89,545
726	NGUYEN DUC HAU	4271xxxx2105	131,699
727	DAO TUAN ANH	4271xxxx5109	200,000
728	TRAN THI ANH THU	4286xxxx6103	100,000
729	TA VIET LOI	4111xxxx6103	100,000
730	NGUYEN THI HA	4111xxxx4108	89,235
731	VU HOANG ANH	4111xxxx0108	53,025
732	TRAN THI HONG HANH	4286xxxx3100	77,960
733	LUONG THI NGOC LIEU	4286xxxx8105	67,674
734	LE THI HONG TUOI	4111xxxx4101	100,000
735	NGUYEN THI NGA	4111xxxx3105	500,000
736	NGUYEN THI HONG HANH	4111xxxx6105	50,060
737	NGUYEN DIEM HUONG	4111xxxx2107	60,868